

Vai trò và vị thế của người phụ nữ Nhật Bản trong gia đình hạt nhân hiện nay: So sánh, đối chiếu với Việt Nam

Lưu Thị Thu Thủy*, **Bùi Thị Minh Phượng****, **Bùi Thị Hồng*****

Tóm tắt: Bài viết phân tích vai trò và vị thế của người phụ nữ Nhật Bản trong gia đình hạt nhân hiện nay, nhấn mạnh tầm ảnh hưởng của thiết chế IE/家 (nhà) cùng với “chính thể dân tộc” đối với phụ nữ Nhật Bản, chỉ ra những thay đổi to lớn vị thế của phụ nữ Nhật. Cũng giống như Nhật Bản, tại Việt Nam, vai trò và vị trí của người phụ nữ đang dần được thay đổi, người phụ nữ ngày càng khẳng định vị trí quan trọng trong gia đình và có nhiều đóng góp tích cực đối với sự phát triển xã hội hiện đại. Trên cơ sở các phân tích về vai trò, vị thế của người phụ nữ Nhật Bản và phụ nữ Việt Nam trong gia đình, bài viết sẽ cố gắng chỉ ra những điểm tương đồng, và sự khác biệt giữa những phụ nữ ở hai quốc gia này.

Từ khóa: Gia đình hạt nhân; Phụ nữ Việt Nam; Phụ nữ Nhật Bản; So sánh vai trò và vị thế; Hệ thống Ie.

Ngày nhận bài: 2/5/2019; ngày chỉnh sửa: 17/5/2019; ngày duyệt đăng: 12/7/2019.

1. Mở đầu

Phụ nữ có vai trò quan trọng trong xã hội truyền thống cũng như trong cuộc sống hiện đại. Nếu gia đình được coi là tế bào của xã hội thì người

* ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

*** ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

phụ nữ được coi là hạt nhân của tế bào này. Phụ nữ ở bất cứ thời đại nào, quốc gia, dân tộc nào cũng giữ vai trò trọng yếu trong việc sáng tạo, giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống của mỗi dân tộc.

Thời gian gần đây, nghiên cứu về phụ nữ và vai trò của phụ nữ trong gia đình ở Nhật Bản và Việt Nam là cụm chủ đề được các học giả quan tâm. Những nghiên cứu về phụ nữ Nhật Bản trước đây tập trung chủ yếu từ thời kì Minh Trị cho đến cuối thập niên 60-70 (Shizuko Koyama, 1991; Murakami Ryoko, 1991) và tập trung vào phân tích tiêu chuẩn của người vợ tốt, người mẹ tốt theo quan điểm truyền thống của Nhật Bản và những thay đổi trong vai trò của người phụ nữ kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.

Cùng với đó cũng có không ít những nghiên cứu dựa trên khảo cứu tài liệu, điều tra thực tế để lý giải nguyên nhân thay đổi cấu trúc gia đình hạt nhân của Nhật Bản trong xã hội đương đại như nghiên cứu của Ochiai Emiko (2004). Kế thừa nghiên cứu của Ochiai Emiko, một công trình nghiên cứu khác đã chỉ ra rằng: nguyên nhân thay đổi trong cấu trúc gia đình hiện đại ở Nhật Bản là do những thay đổi trong xã hội, đặc biệt là sự chuyển đổi về kinh tế. Đây là những lý do chính thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng về giới, góp phần nâng cao vai trò vị thế của người phụ nữ Nhật trong xã hội. Ngày nay, ngày càng có nhiều phụ nữ Nhật Bản dần thân ra xã hội, tham gia vào thị trường lao động bậc cao, và đặc biệt tỉ lệ nữ sinh viên đại học vượt quá tỉ lệ nam sinh ở nhiều trường đại học (Sawayama Makako; 2007). Ngoài việc tham gia thị trường lao động, phụ nữ hiện đại ở Nhật Bản còn tham gia vào nhiều hoạt động khác như chính trị, tham gia vào nội các chính phủ, qua đó có thể thấy rằng đây là bước tiến mới về vị thế trong gia đình cũng như vị trí của người phụ nữ trong xã hội đương đại (Horiba Akiko và các cộng sự, 2016).

Nghiên cứu về phụ nữ và vai trò của phụ nữ trong gia đình ở Nhật Bản cũng là mảng đề tài được các học giả Việt Nam quan tâm. Phần lớn các công trình này tập trung nghiên cứu về gia đình Nhật Bản trong xã hội đương đại, cũng như vai trò và vị trí của người phụ nữ Nhật trong gia đình như thế nào. Đây là những công trình khoa học được nghiên cứu có hệ thống, mang hàm lượng giá trị khoa học cao, cung cấp cho người đọc bức tranh tổng quát nhất về gia đình Nhật Bản cùng với thay đổi trong cơ cấu gia đình ở thời kì bùng nổ kinh tế của Nhật Bản và hệ lụy của nó; vai trò, địa vị của người phụ nữ Nhật từ thời kì Minh Trị cho đến những năm cuối của thế kỉ XX như nghiên cứu của tác giả Mai Huy Bích (1989) và Trần Mạnh Cát (2004).

Hiện nay sự phát triển kinh tế cũng dẫn theo những thay đổi về mọi mặt xã hội. Tại Nhật Bản, một khuynh hướng mới đang bùng phát từ những năm đầu của thế kỉ XXI, đó là hiện tượng phụ nữ Nhật Bản kết hôn muộn hoặc không kết hôn do vị trí của người phụ nữ được nâng cao, họ đã tạo

nên cuộc cách mạng trong cuộc sống, thay đổi trong cách nghĩ, tự chủ về tài chính, tập trung cho công việc (Bùi Thị Bích Vân, Nguyễn Thị Ngát, 2015).

Việt Nam và Nhật Bản là hai quốc gia được hình thành và phát triển từ cái nôi văn hóa châu Á, cùng chịu ảnh hưởng từ nền văn minh Trung Hoa nên có nhiều nét tương đồng trong văn hóa, xã hội. Nghiên cứu so sánh về văn hóa - xã hội và các lĩnh vực khác đã được học giả hai nước tập trung nghiên cứu từ khá lâu, bài bản và mang tính hệ thống. Tuy nhiên, nghiên cứu so sánh về vai trò và vị thế của người phụ nữ trong gia đình ở Nhật Bản và Việt Nam hầu như còn thiếu vắng. Do đó, dựa trên nguồn tài liệu sẵn có, tác giả muốn thông tin tới người đọc một bức tranh về vai trò và vị thế của người phụ nữ trong gia đình hạt nhân ở Nhật Bản và ở Việt Nam; chỉ ra sự thay đổi trong vị thế của người phụ nữ ở hai quốc gia, từ đó tìm ra những điểm tương đồng và sự khác biệt với kì vọng kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở dữ liệu góp phần cho việc nghiên cứu về phụ nữ và bình đẳng giới ở Việt Nam.

2. Vai trò và vị thế của người phụ nữ trong gia đình hạt nhân ở Nhật Bản

2.1. Vai trò của người phụ nữ Nhật Bản

Kể từ khi Hiến pháp Nhật Bản ban hành năm 1947 cùng với Luật dân sự sửa đổi đã cho thấy cuộc cách mạng về vai trò của người phụ nữ Nhật Bản. Đặc biệt, việc gia tăng tỉ lệ gia đình hạt nhân đã phá vỡ cấu trúc gia đình theo kiểu truyền thống trong xã hội. Nghiên cứu của Murakami Ryoko cho thấy: trước thế kỉ thứ XI, trong gia đình kiểu truyền thống của Nhật Bản, phụ nữ vẫn đóng vai trò trung tâm như ở nhiều kiểu xã hội mẫu hệ khác (Murakami Ryoko, 1991:101). Đến thời kì Edo, kiểu gia đình mẫu hệ này được thay thế bằng kiểu gia đình phụ hệ, đẩy vai trò của người phụ nữ vào vị trí phụ thuộc, tập trung chú trọng vào vai trò của người nam giới. Tình trạng này kéo dài cho đến thời kì Minh Trị (1868-1912), vai trò của người phụ nữ mới có những thay đổi đáng kể. Nhà nước khuyến khích, phổ cập giáo dục, phụ nữ và trẻ em gái có cơ hội bình đẳng hơn trong việc tiếp cận tri thức. Nhà nước tập trung vào mục tiêu đào tạo trẻ em gái thành người vợ tốt, người mẹ tốt trong tương lai (Shizuko Koyama, 1991). Điều này vừa thể hiện tính tích cực vừa tiêu cực, khi họ đưa cơ hội tiếp cận tri thức tới cho phụ nữ và các bé gái, nhưng đồng thời mặc định luôn trách nhiệm mà họ sẽ phải gánh vác trong tương lai. Tính chất “phụ nữ tề gia” vẫn còn tồn tại mạnh mẽ trong xã hội Nhật Bản nơi mà trào lưu Âu hóa đang phát triển rầm rộ. Đó chính là sự đối lập và mâu thuẫn ngay trong lòng xã hội Nhật Bản thời kì đó.

Về vai trò đóng góp kinh tế cho gia đình: Từ thập niên 2000 trở lại đây tỉ lệ nữ sinh viên đại học luôn cao hơn nam giới trong các trường đại học

của Nhật. Họ sẽ là người gia nhập thị trường lao động bậc cao và là nguồn lực kế cận cho thị trường lao động nước này vốn đang bị thiếu hụt trầm trọng do già hóa dân số. Nhưng thực tế là sau khi kết hôn và sinh con họ đều nghỉ việc do phải đảm nhiệm các công việc gia đình, và chỉ trở lại với công việc khi con cái đã lớn, song thường làm trong lĩnh vực bán thời gian. Sự gia nhập thị trường lao động là tăng vai trò đóng góp kinh tế của người phụ nữ trong gia đình, điều này làm nên cuộc đại cách mạng đối với phụ nữ Nhật Bản. Trong xã hội phong kiến và trước Minh Trị Duy Tân, phụ nữ vốn đóng vai trò mờ nhạt, ít phải gánh vác kinh tế, họ chỉ chịu trách nhiệm điều phối và sử dụng nguồn lợi kinh tế do người chồng mang lại. Nhưng hiện nay có một thực tế là nếu một mình người chồng đi làm khó đảm bảo được nguồn tài chính cho gia đình, để chia sẻ gánh nặng đó, hiện nay ở phần lớn các gia đình hạt nhân, hai vợ chồng đều cùng tham gia thị trường lao động. Đặc biệt khi nền kinh tế phát triển nhanh chóng, với cơ cấu ngành nghề đa dạng, tỉ lệ nữ giới có việc làm tăng cao, chiếm nhiều vị trí quan trọng mà trước đây vốn dành cho nam giới. Thậm chí trong nhiều gia đình người phụ nữ còn có thu nhập cao hơn nam giới, trở thành người đảm bảo nguồn thu nhập chính cho gia đình (Sawayam Makako, 2007).

Về vai trò chăm sóc và tổ chức đời sống gia đình: Vai trò này được hiểu như là hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trong gia đình. Người phụ nữ Nhật Bản trong xã hội đương đại dù là người ở nhà làm nội trợ toàn thời gian hay tham gia thị trường lao động đều phải đảm bảo vai trò này. Họ vừa là người mẹ, người vợ trong việc chăm sóc và giáo dục con cái. Ở Nhật Bản, người vợ sẽ là người chăm sóc và dạy dỗ con từ việc nấu ăn, đưa đón đi học, nói chuyện cùng với các con... bên cạnh đó họ còn phải có trách nhiệm chăm sóc cha mẹ già yếu. Đây là những người phụ nữ nội trợ, dành toàn thời gian cho gia đình, và người chồng sẽ là người đi làm, đảm bảo nguồn tài chính cho gia đình, nhưng người vợ mới là người quản lí và phân phối nguồn tài chính đó.

Với vai trò người phụ nữ của xã hội: Với vai trò này phụ nữ vừa phải đảm nhận công việc gia đình vừa đi làm, góp phần chia sẻ gánh nặng tài chính cùng người chồng. Những người này chủ yếu tham gia vào hai loại hình công việc như sau: (1) việc làm bán thời gian và những công việc làm thêm tại nhà; (2) công việc toàn thời gian, thường là những người vợ sau kết hôn nhưng chưa có con hoặc con đã trưởng thành. Tuy nhiên có một sự tồn tại bất ổn trong thị trường lao động ở Nhật Bản đó chính là sự chênh lệch về lương, mặc dù Luật Tiêu chuẩn lao động năm 1947 quy định phải trả mức lương bình đẳng nếu cùng một công việc, nhưng hiện nay dù Chính phủ có cố gắng bao nhiêu đi chăng nữa thì việc xóa bỏ hoàn toàn khoảng cách này dường như là điều bất khả thi bởi một số định kiến và quy

chuẩn ngầm vẫn tồn tại trong lòng xã hội Nhật Bản (Horiba Akiko và cộng sự, 2016).

Thông qua một vài phác họa nói trên cho thấy dù bất bình đẳng về giới ở Nhật vẫn còn tồn tại nhưng hiện nay Chính phủ Nhật đang nỗ lực để cải thiện tình hình. Từ trung ương đến địa phương đã và đang thực thi nhiều chính sách mới nhằm nâng cao vai trò và vị thế của người phụ nữ. Năm 2016, Chính phủ đã thông qua một dự luật bắt buộc các công ty với số lượng hơn 300 nhân viên phải công khai số liệu liên quan tới nhân sự, tuyển dụng, đồng thời phải có kế hoạch cải thiện tình trạng của lao động nữ. Trước đây, Chính phủ Nhật Bản mong muốn tăng tỷ lệ phụ nữ ở các vị trí quản lý trong chính phủ và khu vực tư nhân lên khoảng 30% vào năm 2020 (Gender Equality Bureau, 2005). Nhưng mục tiêu này sau đó đã được điều chỉnh lại vì 10% cũng là con số khó đạt được khi mà thực tế năm 2018 chỉ đạt được 7,8% (Cory Baird, 2018).

Thủ tướng Shinzu Abe đang nỗ lực thi hành chính sách “kinh tế nữ giới” với hy vọng có thể thay đổi thúc đẩy ít nhất 54,5% phụ nữ chuyển từ các công việc bán thời gian sang toàn thời gian (Huong Giang, 2016). Tuy nhiên, những cố gắng của chính quyền sẽ chỉ là hình thức và những nỗ lực của phái nữ sẽ không hiệu quả nếu chưa thể thay đổi lối suy nghĩ đánh giá thấp phụ nữ vẫn khá phổ biến ở Nhật Bản. Để tạo nên sự thay đổi đó đòi hỏi sự tham gia của cả chính quyền, các cơ quan đoàn thể, việc giáo dục trong nhà trường, gia đình, và bản thân từng người dân.

2.2. Vị thế của người phụ nữ Nhật Bản

Cho đến hết chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống gia đình Nhật Bản vẫn bị chi phối mạnh bởi quan niệm gia đình truyền thống kiểu Nhật và nó được thừa nhận về mặt pháp lý ngay trong hệ thống Luật dân sự của Minh Trị. Theo Luật này, gia đình được hiểu một cách đơn giản là một biểu hiện cụ thể của Ie (nhà), một thực hiện pháp lý, một khái niệm, một thực thể hữu hình được trao quyền trực hệ từ thế hệ này sang thế hệ khác, và Ie là một nhóm phức hợp gồm những người có quan hệ bà con họ hàng với nhau, do người con trưởng thừa kế, vừa thừa kế địa vị chủ Ie, vừa thừa kế tài sản gia đình (Mai Huy Bích, 1989: 90). Theo quan niệm trên vị thế của người nam giới, con trưởng đặc biệt được coi trọng, vị thế của người phụ nữ rất mờ nhạt, ít được luật pháp bảo đảm quyền lợi.

Nhưng kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai cùng với việc bại trận của nước này nhiều sự thay đổi đã diễn ra trong xã hội Nhật Bản. Đó là việc Nhật Bản tiến hành hàng loạt các cuộc cải cách dân chủ như cải cách ruộng đất, ban hành Hiến pháp (1946), xóa bỏ triệt để các tàn tích phong kiến, xử tội phạm chiến tranh. Cùng với đó, các phong trào đấu tranh của phụ nữ đòi quyền bình đẳng ở Nhật Bản ngày càng dâng cao, diễn ra liên tục bằng

nhiều hình thức khác nhau với mong muốn họ có thể khẳng định được vị trí của mình trong xã hội. Đây là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển mạnh mẽ và gặt hái nhiều thắng lợi cho phong trào đấu tranh đòi quyền bình đẳng và nâng cao vị thế của phụ nữ Nhật sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Nhờ thay đổi kể trên mà nó đã phá vỡ những cơ sở kinh tế, chính trị, xã hội của chủ nghĩa phong kiến quân phiệt, phá vỡ nhiều tư tưởng cổ hủ, lạc hậu, tạo điều kiện để Nhật Bản phát triển mạnh mẽ về mọi mặt. Đặc biệt, Luật dân sự của Nhật Bản cũng được sửa đổi, bác bỏ sự thống trị về mặt pháp lý của hệ thống Ie, gia tăng mạnh kiểu gia đình hạt nhân, chiếm tỉ lệ cao trong xã hội.

Khái niệm gia đình hạt nhân theo cách hiểu đơn giản nhất là hình thức gia đình gồm một cặp vợ chồng và con cái do họ sinh ra. Đây được coi là đơn vị mang tính nền tảng của hình thức gia đình hiện nay ở Nhật Bản (Sawayama Makako, 2007).

Theo con số điều tra xã học trong năm 2005, tỷ lệ hộ gia đình hạt nhân ở Nhật Bản mới chiếm hơn một nửa, khoảng 58,9%, nhưng đến năm 2015 đã tăng lên đến 87% và lên đến hơn 90% tại các vùng đô thị lớn như Tokyo, Osaka (Chiikihayku, 2018). Việc gia tăng tỉ lệ gia đình hạt nhân cho thấy vị thế và địa vị của người phụ nữ bắt đầu được cải thiện. Hiện nay việc gia tăng gia đình hạt nhân kiểu cha mẹ đơn thân (bố với con cái hay chỉ mẹ với con cái), hộ gia đình độc thân đã được pháp luật thừa nhận là một hộ gia đình cho thấy sự cởi mở, sự tân tiến trong cách nhìn về vị thế mới của phụ nữ Nhật Bản trong lòng xã hội đương đại.

Một nguyên nhân khác cũng góp phần làm thay đổi quan niệm về vị thế của người phụ nữ trong xã hội Nhật Bản đó chính là sự ra đời của Hiến pháp Nhật Bản năm 1947, mở ra kỷ nguyên mới. Hiến pháp Nhật Bản đã quy định cấm phân biệt giới tính trong chính trị, kinh tế, quan hệ xã hội, đồng thời khẳng định các đạo luật được ban hành trên cơ sở bình đẳng giới tính và tôn trọng nhân phẩm của từng cá nhân (Hiến pháp Nhật Bản, 1947). Bộ Luật dân sự của Nhật Bản cũng khẳng định sự bình đẳng giữa vợ và chồng, các tòa án gia đình bắt đầu can thiệp vào những vấn đề như tranh chấp tài sản và quyền nuôi con, phụ nữ được bình đẳng hơn trong việc tiếp cận giáo dục, cơ hội việc làm cho thấy một sự thay đổi mới trong lòng xã hội Nhật Bản. Như vậy từng bước cải thiện về mặt pháp luật, vai trò và vị thế của người phụ nữ đã được đảm bảo, tiến tới ngang bằng với nam giới.

Một điều khác cũng khẳng định vị thế của người phụ nữ đương đại Nhật Bản đang ngày càng được cải thiện, đó là khi bước ra khỏi vị thế phụ thuộc họ đã gia nhập thị trường lao động, nâng cao tri thức, cùng chia sẻ gánh vác trách nhiệm kinh tế và tham gia sâu rộng vào hoạt động chính trị, xã hội. Phụ nữ Nhật Bản đã chính thức được quyền bỏ phiếu vào năm 1945, hầu như trong các cuộc bầu cử, số cử tri nữ luôn cao hơn cử tri nam giới,

nhưng tỷ lệ phụ nữ trong nội các Nhật Bản vẫn còn rất ít. Năm 1950, phụ nữ mới chỉ có 3,4% đại diện trong quốc hội Nhật Bản và tới năm 2015 tỷ lệ này đã đạt tới 30% (Horiba Akiko và các cộng sự, 2016).

Như vậy, so với trước kia, qua phân tích ở trên thấy rằng, hiện nay vị thế của người phụ nữ đang ngày được cải thiện, khoảng cách bất bình đẳng giới ở Nhật đang được Chính phủ nỗ lực thu hẹp lại, điển hình là chính sách thúc đẩy kinh tế nữ của Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe, Luật Bình đẳng giới, Tuần lễ của phụ nữ, chính sách hỗ trợ cho người mẹ có con nhỏ... (Kazue Shibata, 2018), cho thấy những thay đổi mạnh mẽ đang diễn ra ở Nhật, góp phần khẳng định nâng cao vị thế của người phụ nữ Nhật Bản từ trong gia đình đến ngoài xã hội.

3. Vai trò và vị thế của người phụ nữ trong gia đình ở Việt Nam

3.1. Vai trò của người phụ nữ Việt Nam

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội đều khẳng định phụ nữ ngày càng có vai trò, vị thế quan trọng trong gia đình và trong phát triển kinh tế - xã hội.

Vai trò đóng góp kinh tế cho gia đình: Sự đóng góp về mặt kinh tế cho gia đình có vai trò vô cùng quan trọng trong việc nâng cao vị thế và quyền lực của người phụ nữ. Việc đóng góp kinh tế của người vợ cao hơn hoặc bằng so với người chồng cũng là cơ sở để họ có nhiều quyền quyết định hơn trong các công việc gia đình. Phụ nữ thành thị, phụ nữ có trình độ học vấn cao, phụ nữ làm quản lý lãnh đạo đóng góp cho kinh tế gia đình cao hơn so với phụ nữ nông thôn, phụ nữ có trình độ học vấn thấp, phụ nữ không làm quản lý lãnh đạo (Nguyễn Hữu Minh, 2016). Thực tế cho thấy, phụ nữ ngày càng có nhiều cơ hội và có sự tự chủ về mọi mặt, cho phép họ có nhiều điều kiện tham gia vào nền kinh tế thị trường và khiến nam giới phải chia sẻ trách nhiệm chăm sóc gia đình. Hiện nay, phụ nữ Việt Nam có những đóng góp rất lớn vào quá trình phát triển của đất nước, chiếm hơn 50% dân số và gần 50% lực lượng lao động xã hội, ngày càng có nhiều phụ nữ tham gia vào hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội và giữ những chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước (Đặng Thị Ánh Tuyết, 2014: 76-77).

Vai trò chăm sóc và tổ chức đời sống gia đình: Với vai trò là người vợ, người mẹ, người phụ nữ giữ vai trò trọng yếu trong việc điều hòa các mối quan hệ trong gia đình đặc biệt trong gia đình hạt nhân có hai thế hệ cùng chung sống. Trong các gia đình hạt nhân hiện nay, vai trò của người phụ nữ vẫn là đảm nhiệm chính công việc nhà, từ việc bếp núc tới việc dạy dỗ con cái, chăm lo đời sống tinh thần cho các thành viên trong gia đình. Tỷ lệ nữ tham gia lao động, sản xuất kinh doanh là tương đương với nam, nhưng số thời gian làm công việc nội trợ của lao động nữ cao gấp 2,5 lần so với nam ở khu vực thành thị và cao gấp 2,3 lần ở khu vực nông thôn (Ngô Thị Tuấn

Dung, 2009). Phần lớn người vợ đóng vai trò làm chính công việc nội trợ (82,5%), chỉ có 3,5% người chồng phụ trách (Nguyễn Hữu Minh, 2012:91). Nhìn vào thực tế trên có thể thấy, sự thay đổi trong phân công lao động theo giới ở gia đình Việt Nam hiện nay là khá chậm chạp. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là người chồng không có trách nhiệm, nhiều nghiên cứu đã cho thấy tỷ lệ vợ chồng cùng đi làm và chia sẻ việc nhà đang ngày càng tăng cao. Theo Nghiên cứu của HILLASEAN, trong những gia đình người Việt mà người chồng ra ngoài làm việc và người vợ ở nhà chăm lo việc nhà và con cái chỉ chiếm thiểu số (25%), còn nhóm gia đình mà cả hai vợ chồng cùng chia sẻ công việc nhà và trách nhiệm nuôi dạy con cái chiếm đa số (74%) (T. Văn, 2018). Sự quan tâm, chia sẻ với nhau giữa vợ - chồng công việc gia đình còn thể hiện qua cách ứng xử giữa các thành viên. Cũng theo một kết quả khảo sát, có ½ số gia đình thường xuyên luôn có sự quan tâm, chia sẻ giữa vợ và chồng về những vấn đề liên quan đến bản thân (Lê Thị Thanh Hương, 2010). Ngày nay, với những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại đã hỗ trợ phần nào cho người phụ nữ trong công việc nội trợ giúp họ có nhiều thời gian hơn để tham gia lao động, đóng góp cho xã hội.

Vai trò người phụ nữ của xã hội: Trước yêu cầu ngày càng cao của thời kì mới, người phụ nữ luôn phải nỗ lực thực hiện tốt vai trò của mình trong cả công việc nhà và công việc xã hội. Cũng như nhiều phụ nữ các nước trên thế giới, ngày càng có nhiều phụ nữ Việt Nam tham gia hoạt động chính trị. Hiện nay, Việt Nam là nước có tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội thuộc vào loại cao trên thế giới. Tại cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII có tới 25,76% đại biểu nữ trong Quốc hội (khóa XII) - cao nhất ở châu Á và là một trong những nước có tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội cao nhất thế giới; số phụ nữ tham gia Hội đồng nhân dân các cấp trên 20% (Đặng Thị Ánh Tuyết, 2014:76-77). Tại cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, tỷ lệ phụ nữ tham gia đại biểu Quốc hội đạt 26,8%, tăng 2,71% so với khóa XIII. Có 25 tỉnh, thành phố có tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội đạt trên 30%. Về tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 tăng hơn so với nhiệm kỳ trước: cấp tỉnh đạt 26,46%, tăng 1,29%; cấp huyện đạt 27,51%, tăng 2,89%; cấp xã đạt 26,70%, tăng 4,99% (Nguyễn Văn Thanh, 2016).

3.2. Vị thế của người phụ nữ Việt Nam

Phụ nữ Việt Nam là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển toàn diện của xã hội Việt Nam. Bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cùng với chính sách mở cửa và hội nhập quốc tế, Đảng, Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, tạo cơ hội để phụ nữ được học

tập, nâng cao trình độ, năng lực, khẳng định vai trò, vị thế của mình trong gia đình và xã hội.

Trong xu thế phát triển và hội nhập hiện nay, cùng với sự vận động và biến đổi xã hội, gia đình Việt Nam cũng chịu những tác động không nhỏ mà ở đó, gia đình hạt nhân (gia đình hai thế hệ) là xu hướng phổ biến. Và thực tế cho thấy, phần lớn gia đình Việt Nam ngày nay là gia đình hạt nhân trong đó chỉ có một cặp vợ chồng (bố mẹ) và con cái. Xu hướng hạt nhân hóa gia đình ở Việt Nam đang có chiều hướng gia tăng vì nhiều ưu điểm và lợi thế, chẳng hạn như nó là một đơn vị độc lập, gọn nhẹ, linh hoạt và có khả năng thích ứng nhanh với sự biến đổi xã hội. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, hiện nay số gia đình này chiếm khoảng 60-70% và đặc biệt xu hướng tập trung làm kinh tế, làm giàu, một xu hướng cơ bản đang chi phối đến hầu hết gia đình ở nước ta hiện nay (Lê Hanh Thông, 2005:33).

Đứng trước xu hướng thay đổi như vậy, vị thế của người phụ nữ trong mô hình gia đình hạt nhân ở nước ta cũng có những thay đổi nhất định. Sự thay đổi này trước hết là do chủ trương, chính sách, nghị quyết, hệ thống luật pháp, chính sách về phụ nữ ngày càng được hoàn thiện để đảm bảo sự bình đẳng và phát triển của nữ giới, điển hình là sự ra đời của Luật Bình đẳng giới, Luật phòng, chống bạo lực gia đình. Hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật cùng với việc kiện toàn bộ máy quản lý Nhà nước về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam là cơ sở pháp lý quan trọng để nâng cao vị thế của phụ nữ trong giai đoạn hiện nay. Trong Khoản 3, điều 5, Luật Bình đẳng giới (2006) đã ghi “Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó”.

4. Sự tương đồng và khác biệt

Từ các phân tích ở trên cho thấy những điểm tương đồng và khác biệt về vai trò và vị thế của phụ nữ hai nước như sau:

Thứ nhất, có thể nói, phụ nữ ở cả Nhật Bản và Việt Nam đều có vai trò quan trọng trong gia đình. Trước đây, người phụ nữ hầu như chỉ ở trong gia đình, đảm nhận trách nhiệm tề gia nội trợ, chăm sóc, giáo dục con cái, báo hiếu cha mẹ. Ngày nay, họ không chỉ đảm bảo những chức năng này mà còn gia nhập xã hội, gia nhập thị trường lao động, chia sẻ gánh nặng kinh tế với người chồng, điều đó có nghĩa họ là người nắm giữ cả hai vai trò quan trọng trong gia đình và ngoài xã hội. Đây có thể nói là cuộc cách mạng về giới ở cả hai quốc gia.

Thứ hai, hiện nay ở hai quốc gia, vai trò và vị thế của người phụ nữ đã có thay đổi mạnh mẽ do trình độ học vấn của họ ngày càng được nâng cao, phụ nữ tham gia thị trường lao động và tích cực tham gia vào các hoạt động

chính trị, xã hội. Tỷ lệ phụ nữ tham gia nội các ở cả Việt Nam và Nhật Bản đều chiếm trên dưới khoảng 30%, dù không phải là tỷ lệ cao so với các nước phát triển khác, nhưng cũng cho thấy cái nhìn cởi mở hơn của Chính phủ hai nước khi đang cố gắng thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng về giới.

Thứ ba, sự chênh lệch trong bất bình đẳng về giới ở Nhật Bản và Việt Nam tương đối khác nhau. Ví dụ, ở Nhật Bản hiện nay dù đã được luật hóa và nhà nước cũng đang cố gắng thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng về lương theo giới tính, nhưng khoảng cách này vẫn chưa thể thu hẹp; trong khi ở Việt Nam vấn đề bất bình đẳng về lương giữa hai giới có khoảng cách hẹp hơn.

Thứ tư, để nâng cao vai trò và vị trí của người phụ nữ trong gia đình và xã hội, Chính phủ cả hai nước đã ban hành nhiều chính sách, cụ thể ở Nhật Bản đó là Luật Tiêu chuẩn lao động (1947) có sửa đổi bổ sung theo định kì, Tuần lễ phụ nữ năm 1998 (tại Nhật Bản năm 1998 chính thức quy định đó là ngày 10-16/4 hàng năm và đồng thời xúc tiến giáo dục và tuyên truyền để nâng cao vị trí của phụ nữ trên phạm vi toàn quốc), Luật Bình đẳng cơ hội công ăn việc làm, Luật Nghi phép chăm sóc con cái và gia đình... Còn ở Việt Nam là Luật Bình đẳng giới (2006), Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật Hôn nhân và gia đình...

Thứ năm, thời kì phong kiến Nhật Bản theo chế độ mẫu hệ, người phụ nữ có vai trò lớn hơn nam giới, và trải qua nhiều cuộc cải cách, dù tinh thần giải phóng nữ giới đã được du nhập vào nước này từ cuối thế kỉ XIX nhưng hiện tại trong đời sống cộng đồng người phụ nữ vẫn ở vị thế thấp hơn nam giới trong và ngoài xã hội, quan niệm này gắn liền với khái niệm nữ giới là người của “bên trong” (*uchi no*) và nam giới vẫn là người của “bên ngoài” (*soto no*). Ngược lại, ở Việt Nam dù vẫn còn tồn tại một số quan điểm, định kiến giới nhưng vai trò và vị thế của người phụ nữ được cải thiện rõ rệt hơn, điều này đã được minh chứng trong bảng xếp hạng về bình đẳng giới năm 2017, nếu Việt Nam xếp thứ 69 thì Nhật Bản ở gần cuối bảng xếp hạng về bình đẳng giới, đứng thứ 114 trên tổng số 144 quốc gia trong bảng xếp hạng (The Global Gender Gap Report, 2017).

5. Kết luận

Tóm lại, phụ nữ ở cả Nhật Bản và Việt Nam đều có vai trò quan trọng trong gia đình. Nếu trước đây, phụ nữ hầu như chỉ ở trong gia đình, đảm nhận trách nhiệm tề gia nội trợ, chăm sóc, giáo dục con cái, báo hiếu cha mẹ thì ngày nay cả phụ nữ Nhật Bản và Việt Nam đều đóng một vai trò quan trọng không chỉ trong đời sống gia đình mà còn cả với sự phát triển xã hội. Vai trò và vị trí của người phụ nữ Nhật Bản và Việt Nam đã có nhiều sự thay đổi trong suốt thời gian qua, từ vị thế là những người phụ thuộc, họ đã có điều kiện tham gia hoạt động chính trị - xã hội, gia nhập thị

trường lao động, nâng cao tri thức và giữ vai trò quan trọng trong gia đình. Cả hai nước Nhật Bản và Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách để nâng cao vị thế và vai trò của người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Mặc dù còn có những điểm khác biệt nhưng có thể nói so với trước đây, vai trò và vị trí của người phụ nữ Nhật Bản và Việt Nam trong gia đình ngày càng được nâng cao và được xã hội thừa nhận, người phụ nữ từng bước khẳng định được mình trong một xã hội hiện đại đa dạng bản sắc như ngày nay. ■

Tài liệu trích dẫn

- Bùi Thị Bích Vân, Nguyễn Thị Ngát. 2015. “Xu hướng kết hôn muộn và không kết hôn của phụ nữ Nhật Bản: Nhìn từ sự thay đổi quan niệm về hôn nhân”. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, Số 9 (175), tr. 62-70.
- Cory Baird. 2018. “Let's discuss the lack of female leaders in Japan”. *The Japan Times*, on May 26.
- Đặng Thị Ánh Tuyết. 2014. “Phụ nữ tham gia lãnh đạo và quản lý ở Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 12 (85), tr. 73-78.
- Gender Equality Bureau. 2005. *Danjo Kyōdō Sankaku Jihon Keikaku* (Đại 2-ji). December.
- Hiến pháp Nhật Bản năm 1947. Phần ba Quyền và Nghĩa vụ công dân. Bản tiếng Nhật (日本国憲法). http://www.shugiin.go.jp/internet/itdb_annai.nsf/html/statics/shiryō/dl-constitution.htm#3sho.
- Horiba Akiko, Arai Risa, Ueda Akihiro. 2016. *Những nhà lãnh đạo là nữ giới: hướng tới sự bình đẳng nam nữ trong việc tham gia chính trị*. Nxb. Quỹ hòa bình Sasakawa, Viện nghiên cứu quốc tế về dân chủ và hỗ trợ bầu cử và Hội dân chủ. (堀場明子、新井里彩、植田晃博 (2016), “多様性のある政治リーダーシップ～男女平等な政治参画に向けて”, 民主主義・選挙支援国際研究所・笹川平和財団. https://www.spf.org/publication/detail_21024.html).
- Hương Giang. 2016. “Vì sao đa số phụ nữ Nhật ở nhà nội trợ”. *Vietnamexpress*. <https://vnexpress.net/doi-song/vi-sao-da-so-phu-nu-nhat-o-nha-noi-tro-3349541.html>.
- Kazue Shibata. 2018. “Tạo lập gia đình mới và giải thể trật tự về giới”. *Tạp chí Viện nghiên cứu các vấn đề xã hội Ohara*, Số 722, tr.3-16. (牟田和恵 (2016), “ジェンダー秩序の解体と新しい「家族」の創造”, 大原社会問題研究所雑誌, №722, P. 3-16).
- Lê Hanh Thông. 2005. “Gia đình hiện đại và vai trò của người phụ nữ”. *Tạp chí Khoa học Chính trị*, Số 2, tr. 33-37.
- Lê Thị Thanh Hương. 2010. “Sự chia sẻ giữa vợ - chồng trong các gia đình Việt Nam hiện nay về những vấn đề liên quan đến việc làm và quan hệ xã hội ở nơi làm việc”. *Tạp chí Tâm lý học*, Số 12 (141), tr. 1-8.

- Mai Huy Bích. 1989. “Gia đình Nhật Bản ngày nay”. *Tạp chí Xã hội học*, Số 1, tr.90-93.
- Murakami Ryoko. 1991. “Xung quanh việc tiếp nhận vai trò giới của người phụ nữ”. *Kỷ yếu của Khoa nhân học, Đại học Osaka*, Tập 18, tr. 101-115. (木村涼子 (1992年), “女性の性役割受容をめぐる”, 大阪大学人間科学部紀要. 18 P.101-P.115, P 101-103).
- Ngô Thị Tuấn Dung. 2009. “Quan hệ gia đình: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 4, tr. 18-30.
- Nguyễn Hữu Minh. 2012. “Các mối quan hệ trong gia đình ở Việt Nam: Một số vấn đề cần quan tâm”. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4, tr. 91-100.
- Nguyễn Hữu Minh. 2016. “Đóng góp kinh tế của vợ và chồng ở các gia đình Bắc Trung Bộ”. *Tạp chí Xã hội học*, Số 1, tr. 38-45.
- Nguyễn Văn Thanh. 2016. “Vai trò, vị thế của người phụ nữ Việt Nam ngày càng khẳng định”. *Báo Biên phòng online*. <http://www.bienphong.com.vn/vai-tro-vi-the-cua-phu-nu-viet-nam-ngay-cang-duoc-khang-dinh/>.
- Những vấn đề gia đình hạt nhân đã ảnh hưởng như thế nào tới Nhật Bản. (深刻な核家族化は日本にどのような影響を与えるか) trên trang chiikihayku ngày 14/5/2018. <https://chiikihyaku.jp/society/858.html>.
- Ochiai Emiko. 2004. *Cách nhìn vượt thời gian về thể chế gia đình thời hậu chiến và gia đình thế kỷ XXI*. Nxb. Yuhikaku, xuất bản lần 3. (落合恵美子(2004年), 21世紀家族へ家族の戦後体制の見方・超えかた, 有斐閣, 第3版, P 162).
- Sawayam Makako. 2007. *Gia đình sẽ đi đến đâu*. Nxb. Seikyusha. (沢山美果子ほか(2007年), 『「家族」はどこへいく』, 青弓社, 105頁).
- Shizuko Koyama. 1991. *Quy phạm của người vợ tốt mẹ tốt*. Nxb. Keisōshobō. (小山静子(1991年), 『良妻賢母という規範』, 勁草書房).
- T. Văn. 2018. Khảo sát về tỷ lệ cả chồng và vợ đều đi làm: Việt Nam dẫn đầu. *Báo Người đô thị online*. <https://nguoidothi.net.vn/khao-sat-ve-ti-le-ca-chong-va-vo-deu-di-lam-viet-nam-dan-dau-13527.html>.
- The Global Gender Gap Report 2017*. <https://www.weforum.org/reports/the-global-gender-gap-report-2017>.
- Trần Mạnh Cát. 2004. *Gia đình Nhật Bản*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.